

CHAPITRE VI
VICAIRE FORAIN DE HANOÏ,
SUPÉRIEUR RÉGIONAL DES M.E.P. 'INDOCHINE
(1951-1952)

En mars 1951, le nouvel évêque vietnamien nomme un nouveau curé, un Vietnamien, à la cathédrale de Hanoï et le Père Seitz se trouve donc déchargé — ce qui l'arrange bien. Mais il reçoit le titre de « vicaire forain », ce qu'on appelle aussi « doyen », ou maintenant « vicaire épiscopal », en sorte qu'il exerce une sorte de contrôle sur les cinq paroisses de la ville ; cela l'absorbe moins que la charge directe d'une paroisse.

À cela s'ajoutera bientôt son élection par ses confrères à la charge de « supérieur régional des missionnaires de l'Indochine du Nord », c'est-à-dire qu'il a la responsabilité de tous les missionnaires des missions de Hanoï, Hung-Hoa, Thanh-Hoa et Vinh, en union avec les évêques et suivant des règles bien définies par le Code de droit canon, ainsi que des directives pontificales. Cette fonction, qui équivaut à « provincial », est nouvellement créée, et le titulaire ne sait pas encore très bien en quoi elle consiste, si ce n'est qu'il a de nouvelles responsabilités qui vont l'éloigner de sa chère oeuvre, qu'il ne pourra plus que superviser de loin. Elle a pourtant encore grand besoin de lui, étant en pleine restructuration et reconstruction ; mais n'en est-il pas ainsi depuis les débuts, il y a bientôt dix ans?... Les grands sacrifices sont le lot de tous les fondateurs! Et il n'en est pas à un près!

L'insécurité pour le pays est toujours, et plus que jamais, à la porte, et même à l'intérieur, l'ennemi s'infiltrant dans les moindres rouages, grâce aux nationalistes et aux francophobes qui ne cessent de s'agiter et de faire de la surenchère. Le Viêt-minh encercle littéralement Hanoï, d'où l'on ne peut sortir sans escorte militaire. Les embuscades sournoises sont partout, les armes de plus en plus sophistiquées affluent à travers la frontière chinoise, et le nord du Tonkin est maintenant entre leurs mains. Les Américains, qui ont manœuvré non moins sournoisement pour faire perdre ses colonies à la France, commencent à comprendre leurs erreurs et à s'apercevoir que, si la France est chassée du Vietnam, ils ont plus à y perdre qu'à y gagner ; mais leurs interventions directes se feront trop attendre. En octobre 1950, en janvier 1951, de grosses attaques sont lancées en vue de prendre Hanoï. Le général de Lattre de Tassigny, nouvellement arrivé, lance alors une contre-attaque et sauve le delta de l'invasion, mais le canon gronde toujours, et le front n'est qu'à trente kilomètres de la capitale.

Cela n'empêche pas le Père Seitz de se lancer, comme si de rien n'était, dans la recherche d'un lieu pour accueillir les

CHƯƠNG VI
LINH MỤC QUẢN HẠT HÀ NỘI,
BỀ TRÊN HỘI M.E.P. MIỀN ĐÔNG DƯƠNG
(1951-1952)

Tháng 3 năm 1951, vị tân giám mục người Việt đã bổ nhiệm một linh mục người Việt làm tân chánh xứ nhà thờ chính tòa Hà Nội, như vậy cha Seitz đỡ được gánh nặng — một điều thật tốt cho Ngài. Nhưng Ngài nhận tước hiệu “quản hạt”, có nơi cũng gọi là “niên trưởng” hay như ngày nay là “đại diện giám mục”, với nhiệm vụ có thể gọi là giám sát 5 họ đạo trong thành phố; việc này nhẹ nhàng hơn là coi sóc trực tiếp một họ đạo.

Ngoài ra, chẳng bao lâu sau đó, Ngài được anh em trong Hội Thừa Sai Paris bầu làm “bề trên miền Bắc Đông Dương”, nghĩa là Ngài có trách nhiệm đối với tất cả các vị thừa sai của bốn giáo phận Hà Nội, Hưng Hóa, Thanh Hóa và Vinh, phối hợp với các giám mục địa phương và tuân chỉ các quy tắc được ghi rõ ràng trong bộ giáo luật, cũng như các chỉ thị của đức Giáo hoàng. Chức vụ này, tương đương với chức “bề trên tỉnh hội”, vừa được lập ra, và Ngài cũng chưa biết rõ phải thi hành chức vụ đó như thế nào, ngoài việc là Ngài có các trách nhiệm mới, sẽ khiến Ngài phải rời xa công trình thân thiết của mình, và như thế Ngài chỉ có thể theo dõi nó từ xa. Công trình ấy vẫn đang rất cần Ngài, vì đang trong giai đoạn trùng tu và xây dựng; nhưng hoàn cảnh này chẳng phải là cũng giống như những lần trước, ngay từ lúc khởi đầu, cách đây gần 10 năm sao? ... Những hy sinh lớn lao luôn là phần số của tất cả các nhà sáng lập! Ngài cũng không là ngoại lệ!

Tình trạng mất an ninh trong nước vẫn tiếp diễn, và hơn bao giờ hết, ở ngay ngưỡng cửa thành phố, thậm chí trong trung tâm, vì kẻ thù đang len lỏi vào tất cả các guồng máy, nhờ vào các tay theo chủ nghĩa dân tộc và những kẻ chống Pháp, chúng không ngừng xáo động và thi đua lập thành tích. Hà Nội gần như bị Việt Minh bao vây, và không thể ra khỏi thành phố nếu không có quân đội hộ tống. Các cuộc phục kích lén lút xuất hiện khắp nơi, khí giới ngày càng tinh vi từ biên giới Trung Quốc đổ qua, và miền Bắc Bắc Bộ đã rơi vào tay chúng. Hoa Kỳ, thời gian qua đã không ngừng vận động âm thầm để làm cho Pháp mất dần thuộc địa, bắt đầu nhận ra sai lầm của mình và thấy rằng, nếu Pháp bị đuổi khỏi Việt Nam, họ sẽ mất hơn là được; nhưng sự can thiệp trực tiếp của họ quá chậm trễ. Tháng 10 năm 1950 rồi tháng 1 năm 1951, Việt Minh tổ chức những cuộc tấn công quy mô để chiếm Hà Nội. Tướng De Lattre de Tassigny, vừa đến nhận nhiệm vụ, đã tổ chức phản công và cứu được đồng bằng sông Hồng, nhưng súng đại bác vẫn nổ rền, và mặt trận chỉ còn cách thủ đô 30 cây số.

Điều đó không ngăn cản Cha Seitz bắt đầu, như chẳng có chuyện gì xảy ra, đi kiếm cho được một chỗ mới để đưa con

enfants qui doivent quitter la Maison Lacordaire au plus tôt. Il trouve, sur la route de Hadông, un terrain suffisamment vaste, entouré d'eau, et s'engage à le payer avant six mois, bien qu'il n'ait pas un sou d'avance. Il espère pouvoir y réaliser son projet, qu'il mûrit depuis plusieurs années, de la « Cité du Christ-Roi » : un ensemble de pavillons pour ses familles d'enfants, entourant une vaste chapelle ; en retrait, on aura des ateliers comme ceux qu'il a déjà réalisés ailleurs, des logements pour le personnel et les missionnaires, et les divers services. Il se met immédiatement au travail, fait construire par l'armée un pont carrossable en remplacement d'un pont de singe existant, indique ses plans au Père Vacher qui va les réaliser en un temps record. La Providence faisant toujours largement les choses lui octroie, provisoirement, rien moins que le palais de l'ancien vice-roi du Tonkin, tout proche, qui n'est habité que par un seul gardien : le Père y installe les Soeurs avec le jardin d'enfants, ainsi qu'une partie du personnel ; en attendant mieux, il campe les garçons — et lui-même — dans des tentes qui lui sont prêtées.

L'aide que lui procure le général de Lattre est précieuse. Dès leur première rencontre, comme il en avait été avec le général Leclerc, le déclic se fait et une estime réciproque se déclare. Le Père est invité à déjeuner à diverses reprises par le général et madame de Lattre. Le hautcommissaire et général en chef des armées du Vietnam l'interroge longuement sur le pays, sur les colons, sur les indigènes, sur les autorités civiles, sur les diverses religions, sur les évêques du Tonkin aussi, certains semblant jouer un jeu dangereux de collaboration avec les « libérateurs », entre guillemets, de l'Indochine.

Le général de Lattre s'intéresse vivement à l'oeuvre des orphelins. Il promet une visite à l'orphelinat Sainte-Thérèse, s'informe souvent de l'état d'avancement des activités, se rend compte des difficultés, propose son aide. Un jour de particulière détresse, le Père n'hésite pas: le général ne pourrait-il intervenir pour que lui parviennent les dommages de guerre tant attendus pour les destructions du Ba-Vi par le Viêtminh? Deux jours plus tard, le général donnait des ordres aux services compétents pour que lui soient versés d'urgence dix-sept millions de francs. Ce fut un beau tollé dans les bureaux ! On n'avait aucun dossier sur l'affaire; le Père n'avait encore rien demandé ; les règlements s'opposaient formellement à une procédure aussi expéditive... Mais le terrible général avait parlé. Moyennant quelques kilos de papiers administratifs à remplir et quelques longues soirées consacrées à les mettre au point, les dettes sont bouchées... provisoirement!

Mort du lieutenant Bernard de Lattre

Mais voilà qu'un drame s'abat sur le général de Lattre et son épouse. Lors d'une très violente attaque du Viêt-minh

cái Ngài từ Nhà Lacordaire về càng sớm càng tốt. Ngài tìm ra trên đường đi Hà Đông, một khoảnh đất khá rộng, chung quanh có nước, và Ngài cam đoan sẽ trả tiền trong vòng 6 tháng, mặc dù lúc ấy Ngài không một xu dính túi. Ngài hy vọng có thể thực hiện được dự án mà mình đã ấp ủ lâu nay, “Thị xá Ki-tô Vương”: một loạt nhà biệt lập cho con cái của Ngài sống thành từng gia đình, bao quanh một nhà nguyện rộng rãi; phía sau là các xưởng thợ kiểu như Ngài đã xây dựng ở những chỗ khác, rồi nhà ở cho các nhân viên và các cha thừa sai, cùng các dịch vụ phụ trợ. Ngài bắt tay ngay vào việc, nhờ công binh bắc một cây cầu vững chắc, xe cộ có thể cho qua lại được, thay thế cây cầu khi hiện tại, trình bày các sơ đồ của mình cho cha Vacher, người sẽ thực hiện trong một thời gian kỷ lục. Chúa Quan Phòng, Đấng luôn tuôn tràn đầy hồng ân, tạm thời ban cho Ngài lâu đài của vị cựu phó vương vùng Bắc Bộ ở gần đó, lâu đài này hiện chỉ có một người canh gác đang ở: Ngài đã xếp đặt chỗ này thành nơi cư trú cho các nữ tu và vườn trẻ, cùng với một số nhân viên; trong khi chờ đợi tình hình khá hơn, ngài ở chung với bọn trẻ, trong các lều trại mượn tạm của người ta.

Sự giúp đỡ của tướng De Lattre rất quý giá. Ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên với vị tướng này, cũng giống như với tướng Leclerc trước đây, hai người đã cảm thấy quý trọng nhau. Ngài được hai ông bà De Lattre mời đến dùng bữa nhiều lần. Vị cao ủy và tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Việt Nam hỏi han Ngài nhiều về tình hình đất nước, về người Pháp đang lập nghiệp trong vùng, về người dân bản xứ, về chính quyền dân sự, về các tôn giáo khác nhau, về các giám mục tại Bắc Bộ nữa, vì vài vị hình như đang chơi trò nguy hiểm là hợp tác với “quân giải phóng” (trong ngoặc kép), của Đông Dương.

Tướng De Lattre rất quan tâm đến công trình dành cho trẻ mồ côi. Ông hứa sẽ viếng thăm cô nhi viện Têrêxa, ông thường hỏi thăm về tiến trình xây dựng, ghi nhận các khó khăn, và đề nghị giúp đỡ. Một ngày kia trong cơn khốn quẫn, cha Seitz đã không ngần ngại: ông tướng có thể can thiệp giúp Ngài nhận được bồi thường về những thiệt hại chiến tranh Ngài đang chờ đợi cho những công trình bị Việt Minh phá hủy ở Ba Vi không? Hai ngày sau, ông tướng ra lệnh cho các phòng ban có thẩm quyền chuyển gấp cho ngài 17 triệu quan Pháp. Các phòng ban đồng loạt phản đối! Vì chẳng có hồ sơ nào về vụ việc này cả; cha Seitz cũng chưa làm đơn; về mặt thủ tục, theo quy định, không thể xuất tiền cấp tốc như thế được. Nhưng lệnh của vị tướng đáng sợ đã được ban ra. Vậy là qua một đống giấy tờ hành chánh được điền, và vài buổi tối thức khuya hoàn tất hồ sơ, mọi nợ nần đã được... tạm thời giải quyết!

Cái chết của trung úy Bernard de Lattre

Nhưng rồi một thảm họa đã đổ xuống trên gia đình của hai vợ chồng tướng De Lattre de Tassigny. Trong một cuộc tấn

sur Ninh-Binh et les paroisses catholiques du delta du fleuve Rouge, le lieutenant Bernard de Lattre, leur fils unique, qui commandait une partie de la contre-attaque, est tué le 30 mai 1951. L'ennemi est repoussé, laissant une centaine de morts sur le terrain, et autant de prisonniers, et l'on peut récupérer les corps des Français et les ramener à Hanoï. La première réaction du général est de faire chercher immédiatement le Père Seitz; des estafettes sont envoyées à sa recherche à travers la ville ; il accourt et donne sa bénédiction à la dépouille mortelle. Le 1er juin, le général prend l'avion pour ramener en France le corps de son fils et faire rendre, par lui, un hommage national à tous les morts d'Indochine.

Un mois plus tard, le Père est invité à prononcer le sermon lors de la messe du 30e jour. La presse s'en fait l'écho:

C'est dans une atmosphère de recueillement qu'a été célébrée, en la cathédrale de Hanoï, la messe pontificale de requiem à la mémoire du lieutenant Bernard de Lattre et de ses compagnons. À deux heures précises, le président Tran Van Huu, accompagné de S. E. Dang Huu Chi, gouverneur du Nord-Vietnam, arrivait à la cathédrale, précédant de peu le général de Lattre qui était accompagné du général de Linarès, commissaire de la République pour le Nord-Vietnam, et du général Cogny, directeur de son cabinet militaire.

Dans la nef tendue de noir, une foule immense où l'on remarquait Presque toutes les personnalités diplomatiques, politiques et militaires d'Indochine avait déjà pris place. Les missions diplomatiques de la Grande Bretagne et des États-Unis au grand complet avaient tenu, en effet, à venir de Saïgon, pour témoigner par leur présence non seulement de la part qu'avaient prise leurs gouvernements respectifs au deuil qui frappait si cruellement le père du lieutenant Bernard de Lattre, mais aussi de la portée exemplaire d'un sacrifice, symbole de tous ceux que la France a consentis pour l'indépendance du Vietnam. La messe fut célébrée par Mgr Trinh Nhu Khuê, vicaire apostolique de Hanoï, assisté de tout le clergé de son diocèse. Au cours de la cérémonie, le R.P. Seitz, directeur de l'orphelinat Sainte-Thérèse, prononça l'allocution suivante:

« Mon Général, lorsqu'il y a un mois je fus appelé par vous auprès du corps sanglant de votre fils pour lui donner la première bénédiction officielle de l'Église — bénédiction que, par un réflexe de chrétien, vous sollicitiez sans retard, — j'avais estimé que dans l'intimité poignante de cette chambre mortuaire, je n'avais d'autres paroles à prononcer que les paroles divines de la prière. Rien ne me semblait plus convenable que le silence qui, à sa manière, est une parole.

« Mais en cette messe solennelle du 30e jour qui rassemble aujourd'hui tant d'éminentes personnalités, une foule si

cong dũ dũ của Việt Minh vào Ninh Bình và các giáo xứ công giáo thuộc đồng bằng sông Hồng, trung úy Bertrand de Lattre, người con duy nhất của họ, đã tử trận ngày 30 tháng 5 năm 1951, khi chỉ huy một đơn vị phản công. Quân địch đã bị đẩy lui, để lại 100 xác chết, và chũng ấy tù binh. Các thi thể của người Pháp đã được gom lại và đưa về Hà Nội. Phản ứng đầu tiên của ông tướng là tìm ngay cha Seitz; các binh sĩ giao liên đã được phái đi tìm Ngài khắp thành phố. Ngài vội vàng chạy đến và đã ban phép lành cho người tử sĩ. Ngày 1 tháng 6 năm 1951, ông tướng đã dùng máy bay chở linh cữu con mình về Pháp và qua đó làm lễ truy điệu quốc gia cho tất cả những người lính đã tử trận tại Đông Dương.

Một tháng sau, cha Seitz được mời thuyết giảng trong thánh lễ tang 30 ngày. Báo chí thuật lại:

Trong một bầu không khí trang nghiêm, một thánh lễ đại trào tưởng niệm Trung úy Bertrand de Lattre cùng đồng đội đã được cử hành tại nhà thờ chính tòa Hà Nội. Đúng 2 giờ trưa, thủ tướng Trần Văn Hữu (ông Trần Văn Hữu giữ chức thủ tướng từ năm 1950 đến 1952, dưới thời quốc trưởng Bảo Đại – ND), có ngài Đặng Hữu Chi, thủ hiến Bắc Phần, tháp tùng, đã đến nhà thờ, trước tướng De Lattre vài phút, với sự tháp tùng của tướng Linares, cao ủy của Cộng Hòa Pháp tại Bắc Phần, và tướng Cogny, chánh văn phòng quân sự.

Trong gian giữa nhà thờ, màu đen giãng khắp, giữa một đám đông chật ních, người ta nhận thấy có đông đủ các nhà ngoại giao, các chính khách và các sĩ quan quân đội của Đông Dương. Các phái bộ ngoại giao Anh và Mỹ cũng đến đầy đủ, từ Sài Gòn ra tham dự, không những để chia sẻ, bằng sự hiện diện của mình, nhân danh chính phủ, cái tang ác nghiệt đã giãng lên đầu thân phụ của trung úy Bernard de Lattre, mà đồng thời cũng để tôn vinh một tấm gương hy sinh, biểu tượng cho tất cả những hy sinh mà nước Pháp đã bỏ ra cho nền độc lập của Việt Nam. Thánh lễ được Đức Cha Trinh Nhu Khuê, đại diện tông toà Hà Nội, cử hành, cùng đồng tế với toàn thể các linh mục thuộc giáo phận. Trong buổi lễ, cha Seitz, giám đốc cô nhi viện thánh Têrêxa, đã thuyết giảng như sau:

Thưa đại tướng, cách đây một tháng, khi tôi được ngài gọi đến bên thi thể đẫm máu của con trai, để ban phép lành chính thức đầu tiên của Giáo Hội – phép lành, mà theo phản ứng của một người công giáo, ngài đã ngay lập tức yêu cầu - tôi nghĩ rằng trong nỗi đau thống thiết và riêng tư tại phòng tang lễ đó, tôi không cần phải nói lời nào ngoài những lời kinh dâng lên Chúa. Lúc ấy, không có gì thích hợp hơn sự thinh lặng, bởi nó cũng là một thứ ngôn từ.

Nhưng trong thánh lễ trọng thể nhân dịp 30 ngày hôm nay, với sự hiện diện của biết bao nhân vật quan trọng, cùng một cộng đoàn đông đảo và nghiêm trang, tôi nghĩ rằng

compacte et si recueillie, j'estime que c'est un devoir pour moi de traduire publiquement les sentiments qui nous font tous ensemble communier intensément à la même émotion.

« Excellences, monsieur le Président, mes bien chers frères, le 30 mai dernier, comme une traînée de poudre, à Hanoi, dans tout le Vietnam, et bien loin hors de ses frontières, se répandait la nouvelle de la mort du lieutenant Bernard de Lattre, tué au combat. Pour beaucoup, ce fut un étonnement, une révélation : ils ignoraient que le fils du Général se trouvait au premier rang des combattants ; pour tous, ce fut une émotion indicible et, de partout, s'élevaient spontanément d'innombrables témoignages d'admiration.

« Pourquoi ? N'en meurt-il pas tous les jours, d'admirables soldats ? Et combien de pères et de mères, d'épouses et de fiancées, anonymes, ignorés, qui pleurent, eux aussi ? Serait-ce donc par égard pour la personne du Général, l'éminente fonction qu'il assume et sa prestigieuse carrière? Sans doute ! Sans aucun doute ! Mais il y a plus dans ce concert unanime d'éloges et de sympathie émue. C'est que la foule a senti passer sur elle le souffle très pur et très purifiant d'un exemple et d'un sacrifice qui présentent un caractère exceptionnel de grandeur. Nul ne s'y est trompé. La mort de ce jeune lieutenant ne pouvait pas demeurer dans l'anonymat: elle prenait immédiatement valeur de témoignage.

«Son père ne pouvait-il donc pas le préserver, ce fils unique? N'en avait-il pas le pouvoir ? Qui aurait osé s'étonner d'un geste si simplement humain et d'une attitude à la vérité justifiable ? Car depuis vingt mois et plus, ce jeune officier n'était-il pas à la peine et au dang er, sans compter les longues années de guerre qui avaient précédé ? Il suffisait ! L'exemple était donné. À quelques semaines du rapatriement, il pouvait se retirer. « Or, son père ne l'a pas voulu, car il est des traditions de noblesse et de haute conscience du devoir qui ne sauraient transiger, même avec les plus légitimes exigences du coeur. Quelle leçon pour ceux de tous les temps qui, possédant quelque parcelle d'autorité humaine, sont tentés de l'utiliser à des fins personnelles !

«Mais soyez bien assurés que, si par extraordinaire, il eût pu bénéficier d'une mesure d'exception, lui, Bernard de Lattre, se serait récrié: jamais, au grand jamais il n'aurait accepté. Combien de fois ses intimes l'ont-ils entendu dire, avec véhémence et humour tout à la fois: "Je ne veux pas que l'on puisse dire de moi : C'est le fils du Général." Cette boutade donne la mesure de son sens aigu de l'honneur. Il

moi-même a une mission à accomplir: il faut que tous sachent que c'est un devoir pour moi de traduire publiquement les sentiments qui nous font tous ensemble communier intensément à la même émotion.

Kính thưa quý khách, thưa Thủ tướng, các bạn hữu thân thiết, ngày 30 tháng 5 vừa rồi, ở Hà Nội, rồi trên khắp nước Việt Nam, và xa hơn nữa ngoài biên giới, tin Trung úy Bertrand de Lattre tử trận đã được loan truyền nhanh chóng như một đám cháy. Nhiều người đã rất ngạc nhiên, bởi bây giờ mới vỡ lẽ: họ không hề biết rằng người con của đại tướng là một chiến binh hàng đầu giữa các chiến binh; đối với mọi người, đây là một xúc động không nói nên lời và, từ mọi phía, tự động vang lên những lời tán dương khâm phục.

Tại sao vậy? Ngày nào mà chẳng có những người lính anh dũng hy sinh? Và biết bao người cha, người mẹ, người vợ và người yêu, âm thầm, không ai biết đến, cũng đã phải thương khóc? Có phải vì lòng kính trọng nhắm vào bản thân đại tướng, chức vụ cao quý ông đang nắm giữ và sự nghiệp hiển hách của ông? Tất nhiên rồi! Không nghi ngờ gì về điều đó! Nhưng còn có điều sâu xa hơn thế trong việc đồng thanh tôn vinh và cảm thông sâu sắc này. Đó là mọi người đã cảm nhận có một làn hơi đang thổi qua mình, làn hơi rất tinh khiết và có sức thanh luyện của một tấm gương và một sự hy sinh mang tính cách cao cả đặc biệt. Ở đây, chẳng ai làm lẫn. Sự hy sinh của viên trung úy trẻ này không thể không được biết đến: nó lập tức khoát một giá trị chứng tích.

Anh là người con duy nhất, thân phụ anh không thể phòng giữ cho anh sao? Ông không có quyền ấy sao? Có ai dám chất vấn về một hành vi có tính nhân đạo như thế, về một cách ứng xử hoàn toàn có thể biện bạch như thế? Bởi vì đã hơn 20 tháng rồi, vị sĩ quan trẻ tuổi này luôn đối mặt với gian khổ, hiểm nguy, không kể những năm dài chiến tranh trước đó? Anh đã phục vụ đủ rồi! Anh đã nêu gương rồi. Chỉ còn vài tuần nữa là được hồi hương, anh có thể rút lui.

Nhưng thân phụ anh đã không muốn như thế, bởi có những truyền thống về tinh thần thượng võ và lương tâm trách nhiệm lớn lao không thể nhân nhượng, cho dù với những đòi hỏi rất chính đáng của con tim. Một bài học quý giá biết bao cho tất cả những ai, khi có chút quyền thế trong tay, lại muốn sử dụng nó cho những mục đích cá nhân!

Tuy nhiên, xin quý vị biết chắc điều này: giả như, vì hoàn cảnh đặc biệt, cậu có thể được hưởng một chế độ ngoại lệ, thì Trung úy Bernard de Lattre, sẽ mạnh mẽ phản đối: không bao giờ, không bao giờ cậu ấy sẽ chấp nhận. Biết bao lần những người bạn thân thiết của cậu đã nghe cậu nói, vừa cương quyết vừa như đùa: "Mình đâu muốn người ta chỉ nói về mình như thằng con ông đại tướng." Cậu nói nghịch lý này cho thấy cậu ấy đặt nặng vấn đề danh dự như

pensait aussi : “Tant que l’on n’a pas tout donné, on n’a rien donné.” (...)

«Qui que nous soyons, combattants ou non, Français ou Vietnamiens sans distinction, sachons que ce qui donne du prix à la vie, que ce qui donne de l'éclat et du prestige à une nation, c'est le sens de l'honneur, de la fidélité au devoir, du dévouement et du sacrifice jusqu'au bout, comme ceux qui sont morts l'ont pratiqué. C'est beau, et il me fallait le souligner car le lieutenant Bernard de Lattre incarne désormais aux yeux de tous les jeunes Vietnamiens un pur exemple qu'ils aimeront à suivre, lui qui est tombé pour contribuer à la libération du Vietnam.»

Au travers de ce panégyrique, c'est l'âme de l'orateur lui-même qui se reflète dans sa pureté, son enthousiasme, son amour de la France et de l'Indochine qui, pour lui, ne font qu'un, son amour de Dieu surtout. Le Père Seitz ne cache pas l'admiration qu'il a pour le général de Lattre.

Non seulement il nous a sauvés, dit-il, mais, ce qui est peut-être plus précieux encore, il nous a redonné la fierté d'être Français. J'ai eu plusieurs fois l'honneur d'être invité par le Général. Tous ceux qui l'approchent sont unanimes à reconnaître en lui les éminentes qualités d'un grand chef : intelligence de l'action, puissance de travail, caractère. Tous, Français et Vietnamiens d'Indochine, sont unanimes à dire que sans lui l'Indochine était perdue. Il n'y a plus qu'un souhait à exprimer: qu'il revienne achever sa tâche ici.

De Lattre est parti, en effet ; il ne reviendra plus : atteint d'un cancer, il décédera quelques mois plus tard. Ce sera une grosse perte pour le Père Seitz, mais surtout pour toute la suite des événements d'Indochine.

La Cité du Christ-Roi

Les constructions de l'orphelinat se poursuivent, malgré la guerre. Avec son enthousiasme et son esprit surnaturel habituels, le Père reconnaît que, loin d'avoir été une catastrophe, la reprise de la Maison Lacordaire par l'évêque a été une nouvelle occasion d'aller de l'avant, de perfectionner ses plans, qui semblent bien être les plans de Dieu.

Il est lui-même architecte, entrepreneur, chef de chantier, garçon de courses, quêteur sollicitant des fonds à droite et à gauche. Le général de Lattre, la veille du jour où il devait repartir en France pour ne plus revenir, donne les ordres

thế nào. Cậu ấy cũng nghĩ: “Chừng nào mình chưa cho hết, thì coi như mình chưa cho gì cả.” (...)

Dù chúng ta là ai, chiến binh hay không, người Pháp hay người Việt, xin hãy biết cho rằng điều làm nên giá trị của cuộc sống, điều đem lại vinh quang và uy tín cho một đất nước, đó chính là cảm thức về danh dự, về lòng trung thành với nhiệm vụ, về việc tận tâm cống hiến và hy sinh đến cùng, giống như các chiến binh tử trận đã thể hiện. Như thế, thật là cao đẹp, và tôi muốn nhấn mạnh điều ấy, bởi Trung úy Bertrand de Lattre từ nay sẽ là hiện thân của một tấm gương trong sáng cho giới trẻ Việt Nam noi theo, cậu ấy đã ngã xuống vì công cuộc giải phóng Việt Nam.

Xuyên qua bài giảng tán dương này, đó là tâm hồn của chính diễn giả, ánh lên sự trong sáng, lòng nhiệt thành, tình yêu của Ngài dành cho nước Pháp và Đông Dương, cả hai, đối với Ngài, chỉ là một, và nhất là tình yêu Thiên Chúa.

Cha Seitz cũng không dấu được lòng kính trọng của Ngài đối với tướng De Lattre:

Chẳng những ông đã cứu chúng ta, ông còn làm một điều còn quý giá hơn, ông đã đem lại cho chúng ta niềm hãnh diện làm người Pháp. Tôi đã vinh dự được đại tướng nhiều lần mời đến nhà dùng bữa. Tất cả những ai đến gần ông đều nhận ra nơi ông những đức tính cao đẹp của một vị danh tướng: thông minh trong hành động, sức làm việc phi thường, và đầy cá tính. Tất cả mọi người, Pháp cũng như Việt ở Đông Dương, đều đồng ý rằng: nếu không có ông, Đông Dương chắc hẳn đã bị mất. Chỉ còn một điều mong ước cần phải nói ra: mong ông hãy trở lại hoàn tất nhiệm vụ ở đây.

Thật vậy, Tướng De Lattre đã ra đi; ông sẽ không quay lại: ông qua đời mấy tháng sau vì bệnh ung thư. Đó sẽ là một mất mát lớn lao cho Cha Seitz, nhưng trên hết, cho tất cả những biển cô tiếp theo ở Đông Dương.

Thị xá Ki-tô Vương

Công cuộc xây dựng cô nhi viện vẫn tiếp tục, mặc cho chiến tranh. Với niềm hăng say và tinh thần siêu nhiên sẵn có, cha Seitz nhận ra rằng việc đức giám mục lấy lại Nhà Lacordaire không hề là một thảm họa, nhưng là một vận hội mới để tiến lên phía trước, để hoàn thiện các kế hoạch của mình, mà dường như cũng là các kế hoạch của Chúa.

Ngài vừa là kiến trúc sư, nhà thầu, đốc công, phụ chạy việc, người đi xin xỏ chỗ này chỗ nọ. Tướng De Lattre, hôm trước khi bay về Pháp để không bao giờ trở lại, đã ra lệnh lắp một chiếc cầu sắt dài 30 mét và trọng tải 12 tấn để mở đường vào khu đất; lực lượng công binh đã bắc xong chiếc

pour qu'un pont de fer de trente mètres de long et pouvant porter douze tonnes soit construit pour permettre l'accès au terrain; il est exécuté en quarante-huit heures par ses sapeurs, et le Père sable le champagne avec eux sur le pont achevé. Il profite maintenant des périodes où il ne pleut pas pour monter les bâtiments provisoires, la **Cité du Christ-Roi** définitive ne pouvant être bâtie que quand la propriété sera entièrement remblayée. Les divers ateliers de l'oeuvre —qui représentent maintenant une centaine d'apprentis — assurent une grande partie des travaux et les enfants mettent également la main à la pâte, durant leurs vacances, sous la direction de deux adjoints du Père et d'une dizaine de séminaristes qui assurent la bonne marche de l'ensemble. Tous travaillent avec bonne humeur, fiers et joyeux de contribuer à la construction de leur Cité sous la direction d'un tel Père.

En moins de temps qu'il n'en faut pour le dire, en éventail autour d'une chapelle dont l'autel est surmonté d'une grande inscription, *Aimez-vous les uns les autres comme je vous ai aimés*, seize pavillons surgissent des eaux, crépis à la chaux et peints en ocre clair, avec contrevents verts et tuiles chinoises, équipés de cuisine et de sanitaires, chacun étant destiné à une « famille » de trente garçons ; un jardinet l'entoure ; un ancien prend en main la responsabilité de chaque famille ; trois moniteurs supervisent.

C'est une formule inédite: « la république des enfants ». Le Père sait bien, cependant, que tout ce qu'il entreprend risqué d'être réduit à néant demain, en raison de l'état de guerre latent et pernicieux que maintient le Viêt-minh. Mais il a pour principe qu'*il n'est pas nécessaire d'espérer pour entreprendre, ni de réussir pour persévérer*. De réels motifs d'inquiétude demeurent.

Mais il y a longtemps que j'ai fait table rase de toutes ces misères, assure-t-il. Jusqu'à la dernière minute — et au-delà — je continuerai. À chacun son métier : le mien est d'aimer, le mien est de porter témoignage. Les succès ? Les résultats ? L'avenir, je n'y pense même pas. Je vis le présent et il me suffit. Il est passionnant. Les hommes s'agitent sordidement: la peur, la haine, la démence collective les entraînent comme dans un tourbillon inéluctable ; c'est l'heure, semble-t-il, de la puissance des ténèbres. Où allons-nous? Question oiseuse, car c'est plus que jamais l'heure de l'amour et du sacrifice. Je le sens, je le discerne: c'est l'heure de la lumière. Il faut choisir. J'ai choisi. Je vis dans la paix et la joie, sans inquiétude de ce lendemain dont Dieu est le seul Maître.

Le Père Seitz termine cette lettre du 26 février 1952 à son père en lui disant que sa surcharge d'occupations et de

cầu ấy trong vòng 48 tiếng đồng hồ, và Cha Seitz đã khai sâm banh ăn mừng với họ ngay trên chiếc cầu mới hoàn thành. Ngài lợi dụng khoảng thời gian này trời không mưa để dựng các ngôi nhà tạm, bởi chỉ có thể xây dựng hoàn chỉnh Thị xá Ki-tô Vương một khi toàn bộ khu đất đã được đổ nền. Các phân xưởng khác nhau của công trình — bây giờ đã có cả trăm thợ học việc — thực hiện đa số các công việc và bọn trẻ cũng góp tay vào, trong kỳ hè, dưới sự hướng dẫn 2 phụ tá của Ngài và khoảng một chục chủng sinh, khiến cho mọi việc đều xuôi chảy. Ai nấy cũng hân hoan, tự hào và vui vẻ vì được góp công vào việc xây dựng Thị xá của mình dưới sự lãnh đạo của một người Cha như thế.

Chỉ thoáng một thời gian ngắn, bao quanh một ngôi nhà nguyện, mà phía trên cung thánh có ghi hàng chữ thật lớn “*Các con hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương các con*”, là một loạt 16 căn nhà xếp theo hình cánh quạt, vươn lên từ mặt nước, tường trát vôi và sơn màu nâu vàng, với cửa sổ màu xanh lá, mái lợp ngói tàu, có đầy đủ nhà bếp và nhà vệ sinh, mỗi căn dành cho một “gia đình” gồm 30 em; nằm giữa một khu vườn nhỏ; một anh lớn đảm nhận vai trò gia trưởng; có ba thầy kiểm tra tổng quát.

Đó là một tổ chức độc nhất vô nhị: “nước cộng hòa của trẻ em”. Tuy nhiên, cha Seitz cũng biết rõ rằng tất cả những gì Ngài đang thực hiện có nguy cơ sẽ biến mất nay mai, vì tình hình chiến tranh ngầm và độc hại do Việt Minh không ngừng khuấy động. Nhưng Ngài vẫn theo nguyên tắc: *không cần phải hy vọng mới dám làm, cũng chẳng cần phải thành công mới kiên trì*. Tuy vậy, những lý do thực sự để lo lắng vẫn còn đó. Ngài quả quyết:

Nhưng con đã từ lâu gạt bỏ tất cả những bất trắc này. Con sẽ tiếp tục đến giây phút cuối cùng — và xa hơn thế nữa. Mỗi người có một nghề: nghề của con là yêu thương, là làm chứng. Thành công ư? Kết quả ư? Thậm chí con còn không nghĩ đến tương lai. Con đang sống phút giây hiện tại và như vậy là đủ. Những giây phút tuyệt vời. Loài người đang quay cuồng một cách thật thảm hại: nỗi sợ hãi, lòng hận thù, cơn điên khùng tập thể như đang cuốn họ vào trong một cơn lốc vô phương tránh thoát; có vẻ như đây là giờ của quyền lực tối tăm. Chúng ta đang đi về đâu? Một câu hỏi vô duyên, bởi vì hơn lúc nào hết, đây là giờ của tình yêu và hy sinh. Con cảm nhận và phân biệt rõ điều đó: đây là giờ của ánh sáng. Phải chọn lựa. Con đã chọn lựa. Con đang sống trong an bình và niềm vui, chẳng lo lắng chi về ngày mai, bởi chỉ có Chúa là Chủ Tể của ngày mai.

Ngài kết thúc bức thư vào ngày 26 tháng 2 năm 1952 cho thân phụ với tin báo rằng vì công việc và trách nhiệm quá

responsabilités l'empêchera sans doute, cette année encore, de retourner en France, malgré toute l'envie qu'il en a, malgré son désir de retrouver sa famille, et plus encore le désir qu'a celle-ci de le revoir. Voilà plusieurs années que ce voyage est remis. Quand pourra-t-il le réaliser ?...

Il lance à ce moment l'organisation de sa Région missionnaire en fonction des consignes venues de la Maison généralice. Il lui revient d'exercer une autorité et une action morale sur la soixantaine de missionnaires qui se trouvent actuellement dans les différents diocèses du Nord-Vietnam. Il doit, en outre, jouer le rôle de représentant du supérieur général et de « tampon », comme il le dit, auprès des différents évêques de la Région.

Cela l'oblige à de nombreux déplacements, autant que cela reste possible sur les routes pleines d'embuscades ; il lui faut parfois être accompagné d'un convoi militaire ; mais son intrépidité n'a d'égale que sa confiance dans la Providence et il sait que rien ne lui arrivera qui ne soit permis par Dieu.

Ses nouvelles fonctions et sa nouvelle dignité n'empêchent pas le Père Seitz de rester aussi sobre et mortifié dans sa vie de chaque jour: il n'a toujours comme logement pour le moment qu'une des tentes prêtées par l'armée, qu'il partage avec ses auxiliaires, en attendant que le pavillon qui lui est destiné soit terminé ; il prend ses repas, cependant, dans une partie du palais voisin de l'ancien vice-roi qui a été prêté à l'oeuvre.

C'est là qu'au cours d'un de ces dîners, en juin 1952, ses collaborateurs sont impressionnés en remarquant chez lui un air profondément abattu qui ne lui est pas ordinaire, même lorsqu'il a de gros soucis, financiers ou autres. Il est triste, ne parle que par monosyllabes, ne mange que du bout des dents et donne sa viande au chat. Qu'a-t-il donc ?... Malade ?... Un être cher qui est décédé ?...

Comme on sait qu'il n'aime pas se plaindre, et encore moins se faire plaindre, nul n'ose lui poser de question.

nặng nề, chắc Ngài không thể trở về Pháp trong năm, dù Ngài rất ước ao gặp lại gia đình, và dù gia đình còn ước ao gặp Ngài hơn nữa. Đã nhiều năm rồi, chuyến đi hội ngộ cứ bị dời hoài. Không biết bao giờ Ngài mới thực hiện được nó đây? ...

Lúc này Ngài xông vào việc tổ chức Miền Thừa Sai theo như chỉ thị của Nhà Mẹ. Ngài có bốn phận thi hành quyền lãnh đạo và tác động tinh thần trên 60 vị thừa sai đang phục vụ trong các giáo phận miền Bắc Việt Nam. Ngoài ra, Ngài còn phải đóng vai trò đại diện cho Cha Bề Trên Cả và làm “đệm lót”, theo như Ngài nói, với các giám mục địa phương.

Nhiệm vụ này buộc Ngài phải di chuyển nhiều, bao lâu còn có thể trên những con đường đầy ổ phục kích; đôi lúc Ngài cần được xe quân sự hộ tống; nhưng sự can trường của Ngài chỉ có thể so sánh được với niềm tin thác vào Chúa Quan Phòng, và Ngài biết chắc sẽ chẳng có gì xảy ra cho mình nếu Chúa không cho phép.

Dù mang những nhiệm vụ mới và đứng ở vị thế mới, Ngài vẫn sống đạm bạc và hãm mình trong sinh hoạt hằng ngày: như bấy lâu nay, Ngài vẫn ở trong căn lều mượn tạm của quân đội, chung với các cộng sự viên, đang khi chờ đợi căn nhà dành cho Ngài xây xong; tuy nhiên, Ngài dùng bữa trong một căn phòng của tòa lâu đài bên cạnh mà vị cựu phó vương cho cô nhi viện mượn.

Chính tại nơi này, một bữa tối tháng 6 năm 1952, các cộng sự viên rất ngạc nhiên thấy Ngài có vẻ rã rời, điều không bình thường với Ngài chút nào, ngay cả những khi Ngài có nhiều lo lắng, về tài chính hay vấn đề gì khác. Ngài ủ rũ, trả lời nhát gừng, chỉ ăn sơ sài và đem phần thịt của mình cho mèo. Có chuyện gì vậy? ... Ngài bệnh ư? ... Hay có người thân nào đó qua đời? ...

Vì ai cũng biết Ngài không thích than thở, và lại càng không thích kẻ khác sụt sùi xót xa cho mình, nên chẳng ai dám hỏi.